UỶ BAN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẠ LONG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 8202/UBND-GD V/v phê duyệt các khoản khu, mức thu của các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập trên địa bàn thành phố Hạ Long năm học 2022-2023	*Hạ Long, ngày 21 tháng 10 năm 2022*

Kính gửi:
- Các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập trên địa bàn thành phố Hạ Long.

Thực hiện Nghị quyết số 34/2021/NQ-HĐND ngày 27/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định một số khoản thu dịch vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Căn cứ vào Hướng dẫn số 3025/HD-SGDĐT ngày 22/10/2021 của Sở Giáo dục và đào tạo Hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 34/2021/NQ-HĐND ngày 27/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Hướng dẫn số 2905/SGDĐT-KHTC ngày 13/10/2022 về việc tăng cường công tác quản lý thu chi năm học 2022-2023 của Sở giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh;

Căn cứ vào tờ trình số 1136/PGDĐT ngày 16/10/2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Hạ Long về việc đề nghị phê duyệt các khoản thu, mức thu của các cơ sở giáo dục mầm non, phô thông công lập trên địa bàn thành phố năm học 2022-2023, UBND thành phố Hạ Long có ý kiến chỉ đạo như sau:

1. Đồng ý các khoản thu, mức thu của các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập trên địa bàn thành phố (theo phụ biểu đính kèm).

2. Các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông có trách nhiệm:(1) Thu theo số tháng thực học, nhưng không quá 9 tháng/năm học; (2) Thực hiện đúng các khoản thu, mức thu, dự toán chi đã được thẩm định phê duyệt; (3) Thực hiện công khai kết quả phê duyệt các khoản thu, mức thu theo quy định tại Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, thông tư số 11/2020/TT-BGDĐT ngày 19/5/2020 của Bộ giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ sở giáo dục; (4) Ngay sau khi kết thúc năm học hoặc kết thúc dịch vụ, thực hiện quyết toán từng khoản thu, nếu sử dụng kinh phí không hết thì phải trả lại cho cha mẹ học sinh, không được chuyển tiếp sang năm học sau, thông báo công khai kết quả thu, chi tới tất cả cha mẹ học sinh và cán bộ, giáo viên, nhân viên trong đơn vị; báo báo về phòng Giáo dục và Đào tạo định kỳ 15/12 và 16/5 hằng năm; (5) Tiếp tục phối hợp với Ngân hàng cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán triển khai phương thức thanh toán không dùng tiền mặt.

3. Giao phòng Giáo dục và Đào tạo Thành phố chịu trách nhiệm về kết quả xét duyệt, quy trình hồ sơ tổ chức các dịch vụ, hồ sơ tài liệu liên quan đến việc thỏa thuận dịch vụ và mức thu theo quy định, kết quả thẩm định nội dung chi, mức chi thực hiện làm căn cứ xây dựng mức thu các dịch vụ đảm bảo theo hướng dẫn 3025/HD- SGDĐT ngày 22/10/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh.

Ủy ban nhân dân thành phố Hạ Long yêu cầu các đơn vị triển khai và nghiêm túc thực hiện./.

Nơi nhận:
- Sở GDĐT tỉnh;
- Các PCT UBNDTP;
- Như kính gửi;
- Vo-V3;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Tiến Dũng

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẠ LONG

Phụ lục 01

MỨC THU MỘT SỐ KHOẢN THU DỊCH VỤ, PHỤC VỤ, HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC TRONG CÁC TRƯỜNG MẦM NON NĂM HỌC 2022-2023

(Kèm theo Văn bản số 8202/UBND-GD ngày 21/10/2022 của UBND thành phố Hạ Long)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên Trường	Mức thu khoản thu dịch vụ phục vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục (Quy định tại NQ 34/2021)						
		Tổ chức bán trú					Dạy tăng cường kĩ năng nghe, nói tiếng Anh có sự tham gia của giáo viên nước ngoài đồng/HS/giờ dạy	Mức thu theo đề án được phê duyệt
		Thuê người nấu ăn đồng/HS/tháng	Quản lý HS trong giờ bán trú đồng/HS/tháng (22 ngày)	Tiền ăn đồng/HS/ ngày	Mua sắm bổ sung vật dụng phục vụ bán trú đồng /HS/ năm học (HS mới tuyển)	Mua sắm bổ sung vật dụng phục vụ bán trú đồng /HS/ năm học (HS toàn trường)		
I	**Vùng Thành thị**							
1	1/6	110.000	100.000	27.000		50.000	30.000	QĐ số 184/QĐ-PGD&ĐT ngày 20/9/2022 (Dạy tăng cường kĩ năng nghe, nói tiếng Anh có sự tham gia của giáo viên nước ngoài)
2	Bãi cháy	105.000	100.000	24.000		50.000	30.000	QĐ số 231/QĐ-PGD&ĐT ngày 24/10/2021 (Dạy tăng cường kĩ năng nghe, nói tiếng Anh có sự tham gia của giáo viên nước ngoài)
3	Bạch Đằng	110.000	100.000	27.000		50.000	30.000	QĐ số 232/QĐ-PGD&ĐT ngày 24/10/2021 (Dạy tăng cường kĩ năng nghe, nói tiếng Anh có sự tham gia của giáo viên nước ngoài)
4	Cao Thắng	105.000	110.000	26.000		50.000	30.000	QĐ số 230/QĐ-PGD&ĐT ngày 24/10/2021 (Dạy tăng cường kĩ năng nghe, nói tiếng Anh có sự tham gia của giáo viên nước ngoài)
5	Cao Xanh	110.000	95.000	27.000		50.000	30.000	QĐ số 189/QĐ-PGD&ĐT ngày 20/9/2022 (Dạy tăng cường kĩ năng nghe, nói tiếng Anh có sự tham gia của giáo viên nước ngoài)
6	Hà Lầm	110.000	100.000	26.000		50.000	30.000	QĐ số 226/QĐ-PGD&ĐT ngày 23/10/2021 (Dạy tăng cường kĩ năng nghe, nói tiếng Anh có sự tham gia của giáo viên nước ngoài)

STT	Tên Trường	Mức thu khoản thu dịch vụ phục vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục (Quy định tại NQ 34/2021)						
		Tổ chức bán trú					Dạy tăng cường kĩ năng nghe, nói tiếng Anh có sự tham gia của giáo viên nước ngoài đồng/HS/giờ dạy	Mức thu theo đề án được phê duyệt
		Thuê người nấu ăn đồng/HS/tháng	Quản lý HS trong giờ bán trú đồng/HS/tháng (22 ngày)	Tiền ăn đồng/HS/ ngày	Mua sắm bổ sung vật dụng phục vụ bán trú đồng /HS/ năm học (HS mới tuyển)	Mua sắm bổ sung vật dụng phục vụ bán trú đồng /HS/ năm học (HS toàn trường)		
7	Hồng Hải	110.000	100.000	27.000		50.000	30.000	QĐ số 218/QĐ-PGD&ĐT ngày 23/10/2021 (Dạy tăng cường kĩ năng nghe, nói tiếng Anh có sự tham gia của giáo viên nước ngoài)
8	Hà Tu	110.000	100.000	24.000		50.000	30.000	QĐ số 185/QĐ-PGD&ĐT ngày 20/9/2022 (Dạy tăng cường kĩ năng nghe, nói tiếng Anh có sự tham gia của giáo viên nước ngoài)
9	Hồng Gai	105.000	100.000	26.000		50.000	30.000	QĐ số 233/QĐ-PGD&ĐT ngày 24/10/2021 (Dạy tăng cường kĩ năng nghe, nói tiếng Anh có sự tham gia của giáo viên nước ngoài)
10	Hùng Thắng	110.000	120.000	26.000		50.000	30.000	QĐ số 217/QĐ-PGD&ĐT ngày 23/10/2021 (Dạy tăng cường kĩ năng nghe, nói tiếng Anh có sự tham gia của giáo viên nước ngoài)
11	Hoa Hồng	110.000	100.000	27.000		50.000	30.000	QĐ số 221/QĐ-PGD&ĐT ngày 23/10/2021 (Dạy tăng cường kĩ năng nghe, nói tiếng Anh có sự tham gia của giáo viên nước ngoài)
12	Hoa Lan	110.000	80.000	27.000		50.000	30.000	QĐ số 220/QĐ-PGD&ĐT ngày 23/10/2021 (Dạy tăng cường kĩ năng nghe, nói tiếng Anh có sự tham gia của giáo viên nước ngoài)
13	Hà Khẩu	100.000	90.000	24.000		50.000	30.000	QĐ số 183/QĐ-PGD&ĐT ngày 20/9/2022 (Dạy tăng cường kĩ năng nghe, nói tiếng Anh có sự tham gia của giáo viên nước ngoài)
14	Trới	74.000	75.000	22.000		50.000	30.000	QĐ số 263/QĐ-PGD&ĐT ngày 26/11/2021 (Dạy tăng cường kĩ năng nghe, nói tiếng Anh có sự tham gia của giáo viên nước ngoài)
15	Giếng Đáy	110.000	100.000	24.000		50.000	30.000	QĐ số 228/QĐ-PGD&ĐT ngày 24/10/2021 (Dạy tăng cường kĩ năng nghe, nói tiếng Anh có sự tham gia của giáo viên nước ngoài)

STT	Tên Trường	Mức thu khoản thu dịch vụ phục vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục (Quy định tại NQ 34/2021)						
		Tổ chức bán trú					Dạy tăng cường kĩ năng nghe, nói tiếng Anh có sự tham gia của giáo viên nước ngoài đồng/HS/giờ dạy	Mức thu theo đề án được phê duyệt
		Thuê người nấu ăn đồng/HS/tháng	Quản lý HS trong giờ bán trú đồng/HS/tháng (22 ngày)	Tiền ăn đồng/HS/ ngày	Mua sắm bổ sung vật dụng phục vụ bán trú đồng /HS/ năm học (HS mới tuyển)	Mua sắm bổ sung vật dụng phục vụ bán trú đồng /HS/ năm học (HS toàn trường)		
16	Hạ Long	110.000	80.000	27.000		50.000	30.000	QĐ số 224/QĐ-PGD&ĐT ngày 23/10/2021 (Dạy tăng cường kĩ năng nghe, nói tiếng Anh có sự tham gia của giáo viên nước ngoài)
17	Đại Yên	110.000	75.000	22.500		50.000		
18	Hà Trung	110.000	90.000	23.000		50.000	30.000	QĐ số 223/QĐ-PGD&ĐT ngày 23/10/2021 (Dạy tăng cường kĩ năng nghe, nói tiếng Anh có sự tham gia của giáo viên nước ngoài)
19	Việt Hưng	105.000	90.000	24.000		50.000	30.000	QĐ số 215/QĐ-PGD&ĐT ngày 23/10/2021 (Dạy tăng cường kĩ năng nghe, nói tiếng Anh có sự tham gia của giáo viên nước ngoài)
20	Hoa Đào	110.000	90.000	24.000		50.000	-	
21	Tuần Châu	110.000	90.000	23.000		50.000	-	
22	Hà Phong	110.000	100.000	24.000		50.000	30.000	QĐ số 204/QĐ-PGD&ĐT ngày 10/10/2022 (Dạy tăng cường kĩ năng nghe, nói tiếng Anh có sự tham gia của giáo viên nước ngoài)
II	**Vùng Nông thôn**							
1	Lê Lợi	92.000	71.000	21.900		50.000	-	
III	**Vùng Miền núi**							
1	Sơn Dương	92.000	73.000	23.000		50.000		

STT	Tên Trường	Mức thu khoản thu dịch vụ phục vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục (Quy định tại NQ 34/2021)						
		Tổ chức bán trú					Dạy tăng cường kĩ năng nghe, nói tiếng Anh có sự tham gia của giáo viên nước ngoài đồng/HS/giờ dạy	Mức thu theo đề án được phê duyệt
		Thuê người nấu ăn đồng/HS/tháng	Quản lý HS trong giờ bán trú đồng/HS/tháng (22 ngày)	Tiền ăn đồng/HS/ ngày	Mua sắm bổ sung vật dụng phục vụ bán trú đồng /HS/ năm học (HS mới tuyển)	Mua sắm bổ sung vật dụng phục vụ bán trú đồng /HS/ năm học (HS toàn trường)		
2	Dân chủ (Nhà trường có 90 trẻ, mức chi NV nấu ăn là 4.680.000 đồng)	104.000	65.000	20.000		50.000		Phòng GD&ĐT chịu trách nhiệm về mức thu thuê người nấu ăn không tương đương với các cơ sở giáo dục cùng cấp học trên cùng địa bàn cấp xã hoặc cụm phường, xã có điều kiện tương đương
3	Thống Nhất	82.000	75.000	23.000		50.000		
4	Quảng La	70.000	70.000	20.000		50.000		
5	Bằng Cả	77.000	65.000	20.500		50.000		
6	Tân Dân	80.000	74.000	20.000		50.000		
7	Đồng Sơn	20.000	50.000	20.000		50.000		Tiền thuê người nấu ăn, tiền ăn được NS hỗ trợ một phần theo NQ 204/2019 của HĐND tỉnh
8	Vũ Oai	83.000	70.000	21.000		50.000		
9	Kỳ Thượng	40.000	30.000	19.000				Tiền thuê người nấu ăn, tiền ăn được NS hỗ trợ một phần theo NQ 204/2019 của HĐND tỉnh
10	Đồng Lâm	24.000	50.000	19.000	30.000			Tiền thuê người nấu ăn , tiền ăn được NS hỗ trợ một phần theo NQ 204/2019 của HĐND tỉnh
11	Hòa Bình	7.000	55.000	20.000		50.000		Tiền thuê người nấu ăn, tiền ăn được NS hỗ trợ một phần theo NQ 204/2019 của HĐND tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẠ LONG

Phụ lục 02

MỨC THU MỘT SỐ KHOẢN THU DỊCH VỤ PHỤC VỤ HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC THEO THỎA THUẬN TRONG CÁC TRƯỜNG MẦM NON NĂM HỌC 2022-2023

(Kèm theo Văn bản số 8202/UBND-GD ngày 21/10/2022 của UBND thành phố Hạ Long)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên Trường	Mức thu khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục theo thỏa thuận				
		Dạy và học kỹ năng sống đồng/HS/ giờ dạy	Đón sớm, trả muộn đồng/trẻ/tháng	Trông trẻ ngày thứ bảy đồng/trẻ/ngày	Chi phí sử dụng điện máy điều hòa lớp học Theo số công tơ thực tế trên lớp	Ghi chú
I	**Vùng Thành thị**					
1	1/6	20.000	70.000	40.000		QĐ số 184/QĐ-PGD&ĐT ngày 20/9/2022 (Dạy và học kỹ năng sống)
2	Bãi cháy	20.000	80.000	37.500		QĐ số 231/QĐ-PGD&ĐT ngày 24/10/2021 (Dạy và học kỹ năng sống)
3	Bạch Đằng	20.000	70.000	40.000		QĐ số 232/QĐ-PGD&ĐT ngày 24/10/2021 (Dạy và học kỹ năng sống)
4	Cao Thắng	20.000	70.000	40.000		QĐ số 230/QĐ-PGD&ĐT ngày 24/10/2021 (Dạy và học kỹ năng sống)
5	Cao Xanh	20.000	65.000	37.500		QĐ số 229/QĐ-PGD&ĐT ngày 24/10/2021 (Dạy và học kỹ năng sống)
6	Hà Lầm	20.000	70.000	37.500		QĐ số 178/QĐ-PGD&ĐT ngày 20/9/2022 (Dạy và học kỹ năng sống)
7	Hồng Hải	20.000	85.000	40.000		QĐ số 218/QĐ-PGD&ĐT ngày 23/10/2021 (Dạy và học kỹ năng sống)
8	Hà Tu	-	70.000	37.500		
9	Hồng Gai	20.000	70.000	35.000		QĐ số 233/QĐ-PGD&ĐT ngày 24/10/2021 (Dạy và học kỹ năng sống)
10	Hùng Thắng	20.000	80.000	32.500		QĐ số 217/QĐ-PGD&ĐT ngày 23/10/2021 (Dạy và học kỹ năng sống)
11	Hoa Hồng	20.000	70.000	40.000		QĐ số 221/QĐ-PGD&ĐT ngày 23/10/2021 (Dạy và học kỹ năng sống)
12	Hoa Lan	16.000	80.000	40.000		QĐ số 206/QĐ-PGD&ĐT ngày 10/10/2022 (Dạy và học kỹ năng sống)
13	Hà Khẩu	-	85.000	35.000		QĐ số 227/QĐ-PGD&ĐT ngày 24/10/2021 (Dạy và học kỹ năng sống)
14	Trới	-	-	30.000		
15	Giếng Đáy	20.000	90.000	35.000		QĐ số 228/QĐ-PGD&ĐT ngày 24/10/2021 (Dạy và học kỹ năng sống)
16	Hạ Long	20.000	70.000	50.000		QĐ số 224/QĐ-PGD&ĐT ngày 23/10/2021 (Dạy và học kỹ năng sống)
17	Đại Yên	-	75.000	30.000		
18	Hà Trung	20.000	65.000	30.000		QĐ số 223/QĐ-PGD&ĐT ngày 23/10/2021 (Dạy và học kỹ năng sống)
19	Việt Hưng	20.000	62.000	30.000		QĐ số 215/QĐ-PGD&ĐT ngày 23/10/2021 (Dạy và học kỹ năng sống)
20	Hoa Đào	-	70.000	30.000		
21	Tuần Châu	20.000	75.000	30.000		QĐ số 216/QĐ-PGD&ĐT ngày 23/10/2021 (Dạy và học kỹ năng sống)
22	Hà Phong	20.000	70.000	35.000		QĐ số 204/QĐ-PGD&ĐT ngày 10/10/2022 (Dạy và học kỹ năng sống)

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẠ LONG

Phụ lục 03

MỨC THU MỘT SỐ KHOẢN THU DỊCH VỤ, PHỤC VỤ, HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC TRONG CÁC TRƯỜNG TIỂU HỌC NĂM HỌC 2022-2023

(Kèm theo Văn bản số 8202/UBND-GD ngày 21/10/2022 của UBND thành phố Hạ Long)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Tên Trường	Mức thu khoản thu dịch vụ phục vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục											Ghi chú
		Tổ chức bán trú				Dạy tăng cường kĩ năng nghe, nói tiếng Anh có sự tham gia của giáo viên nước ngoài đồng/giờ dạy	Dạy tăng cường kĩ năng nghe, nói tiếng Pháp có sự tham gia của giáo viên nước ngoài đồng/giờ dạy	Ngoại ngữ tự chọn đồng/HS/giờ dạy	Nước uống 01 buổi/ngày Đồng/ tháng	Nước uống 02 buổi/ngày đồng/ tháng	Học Tin học đồng/HS/ giờ dạy	Trông giữ xe đạp đồng /HS/tháng	
		Thuê người nấu ăn đồng/HS/tháng	Quản lý HS trong giờ bán trú đồng/tháng (22 ngày)	Tiền ăn đồng/ ngày	Mua sắm bổ sung vật dụng phục vụ bán trú đồng /năm học (HS toàn trường)								
I	**Vùng Thành thị**												
1	Cao Thắng		125.500	22.000		30.000				13.000			QĐ số 210/QĐ-PGD&ĐT ngày 23/10/2021 (Dạy tăng cường kĩ năng nghe, nói tiếng Anh có sự tham gia của giáo viên nước ngoài)
2	Cao Xanh	66.000	132.000	20.700	50.000	30.000				14.000			QĐ số 212/QĐ-PGD&ĐT ngày 23/10/2021 (Dạy tăng cường kĩ năng nghe, nói tiếng Anh có sự tham gia của giáo viên nước ngoài)
3	Bãi Cháy		132.000	22.000		30.000				12.500	4.500		QĐ 214/QĐ-PGD&ĐT ngày 23/10/2021 (Dạy tăng cường kĩ năng nghe, nói tiếng Anh có sự tham gia của giáo viên nước ngoài)
4	Hữu Nghị	68.200	132.000	20.600	50.000	30.000	30.000	6.000		12.000	4.500		QĐ số 190/QĐ-PGD&ĐT ngày 20/9/2022 (Dạy tăng cường kĩ năng nghe, nói tiếng Anh, tiếng Pháp có sự tham gia của giáo viên nước ngoài)
5	Hà Khẩu		132.000	22.000	28.000	30.000				12.000	5.000		QĐ số 210/QĐ-PGD&ĐT ngày 23/10/2021 (Dạy tăng cường kĩ năng nghe, nói tiếng Anh có sự tham gia của giáo viên nước ngoài)
6	Hà Lầm		132.000	22.000		30.000				13.000			QĐ số 179/QĐ-PGD&ĐT ngày 20/9/2022 (Dạy tăng cường kĩ năng nghe, nói tiếng Anh có sự tham gia của giáo viên nước ngoài)
7	Hạ Long		132.000	22.000		30.000				13.000			QĐ số 208/QĐ-PGD&ĐT ngày 23/10/2021 (Dạy tăng cường kĩ năng nghe, nói tiếng Anh có sự tham gia của giáo viên nước ngoài)
8	Lê Hồng Phong		132.000	22.000		30.000				13.000			QĐ số 178/QĐ-PGD&ĐT ngày 20/9/2022 (Dạy tăng cường kĩ năng nghe, nói tiếng Anh có sự tham gia của giáo viên nước ngoài)

TT	Tên Trường	Mức thu khoản thu dịch vụ phục vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục											
		Tổ chức bán trú				Dạy tăng cường kĩ năng nghe, nói tiếng Anh có sự tham gia của giáo viên nước ngoài đồng/giờ dạy	Dạy tăng cường kĩ năng nghe, nói tiếng Pháp có sự tham gia của giáo viên nước ngoài đồng/giờ dạy	Ngoại ngữ tự chọn đồng/HS/giờ dạy	Nước uống 01 buổi/ngày Đồng/ tháng	Nước uống 02 buổi/ngày đồng/ tháng	Học Tin học đồng/HS/ giờ dạy	Trông giữ xe đạp đồng /HS/tháng	Ghi chú
		Thuê người nấu ăn đồng/HS/tháng	Quản lý HS trong giờ bán trú đồng/tháng (22 ngày)	Tiền ăn đồng/ ngày	Mua sắm bổ sung vật dụng phục vụ bán trú đồng /năm học (HS toàn trường)								
9	Lý Thường Kiệt		132.000	22.000	8.000	30.000				11.000			QĐ số 207/QĐ-PGD&ĐT ngày 23/10/2021 (Dạy tăng cường kĩ năng nghe, nói tiếng Anh có sự tham gia của giáo viên nước ngoài)
10	Minh Hà	55.000	131.800	22.000		30.000				13.000			QĐ số 203/QĐ-PGD&ĐT ngày 23/10/2021 (Dạy tăng cường kĩ năng nghe, nói tiếng Anh có sự tham gia của giáo viên nước ngoài)
11	Trới		132.000	22.000		30.000				12.000			QĐ số 199/QĐ-PGD&ĐT ngày 23/10/2021 (Dạy tăng cường kĩ năng nghe, nói tiếng Anh có sự tham gia của giáo viên nước ngoài)
12	Quang Trung		132.000	22.000		30.000				12.000			QĐ số 202/QĐ-PGD&ĐT ngày 23/10/2021 (Dạy tăng cường kĩ năng nghe, nói tiếng Anh có sự tham gia của giáo viên nước ngoài)
13	Trần Hưng Đạo		127.600	22.000		30.000				13.000			QĐ số 206/QĐ-PGD&ĐT ngày 23/10/2021 (Dạy tăng cường kĩ năng nghe, nói tiếng Anh có sự tham gia của giáo viên nước ngoài)
14	Trần Quốc Toản		132.000	22.000		30.000				12.000			QĐ số 200/QĐ-PGD&ĐT ngày 23/10/2021 (Dạy tăng cường kĩ năng nghe, nói tiếng Anh có sự tham gia của giáo viên nước ngoài)
15	Võ Thị Sáu		132.000	22.000		30.000				12.000			QĐ số 198/QĐ-PGD&ĐT ngày 23/10/2021 (Dạy tăng cường kĩ năng nghe, nói tiếng Anh có sự tham gia của giáo viên nước ngoài)
16	Đại Yên		132.000	22.000		30.000				6.000			QĐ số 211/QĐ-PGD&ĐT ngày 23/10/2021 (Dạy tăng cường kĩ năng nghe, nói tiếng Anh có sự tham gia của giáo viên nước ngoài)
17	Nguyễn Bá Ngọc		121.000	22.000		30.000				13.000			QĐ số 201/QĐ-PGD&ĐT ngày 23/10/2021 (Dạy tăng cường kĩ năng nghe, nói tiếng Anh có sự tham gia của giáo viên nước ngoài)
18	Việt Hưng	68.000	120.000	21.000	50.000	30.000				12.000	4.500	30.000	QĐ số 197/QĐ-PGD&ĐT ngày 23/10/2021 (Dạy tăng cường kĩ năng nghe, nói tiếng Anh có sự tham gia của giáo viên nước ngoài)
II	**Vùng Miền núi**												

TT	Tên Trường	Mức thu khoản thu dịch vụ phục vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục											
		Tổ chức bán trú				Dạy tăng cường kĩ năng nghe, nói tiếng Anh có sự tham gia của giáo viên nước ngoài đồng/giờ dạy	Dạy tăng cường kĩ năng nghe, nói tiếng Pháp có sự tham gia của giáo viên nước ngoài đồng/giờ dạy	Ngoại ngữ tự chọn đồng/HS/giờ dạy	Nước uống 01 buổi/ngày Đồng/ tháng	Nước uống 02 buổi/ngày đồng/ tháng	Học Tin học đồng/HS/ giờ dạy	Trông giữ xe đạp đồng /HS/tháng	Ghi chú
		Thuê người nấu ăn đồng/HS/tháng	Quản lý HS trong giờ bán trú đồng/tháng (22 ngày)	Tiền ăn đồng/ ngày	Mua sắm bổ sung vật dụng phục vụ bán trú đồng /năm học (HS toàn trường)								
19	Sơn Dương								6.000	10.000			
20	Quảng La									12.000			
I	**Vùng Nông thôn**												
21	Lê Lợi		121.000	22.000						12.000			

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẠ LONG

Phụ lục 04

MỨC THU MỘT SỐ KHOẢN THU DỊCH VỤ PHỤC VỤ HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC THEO THỎA THUẬN TRONG CÁC TRƯỜNG TIỂU HỌC NĂM HỌC 2022-2023

(Kèm theo Văn bản số 8202/UBND-GD ngày 21/10/2022 của UBND thành phố Hạ Long)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Tên Trường	Mức thu khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục theo thỏa thuận					
		Dạy và học kỹ năng sống Đồng/ giờ dạy	Dạy và học kỹ năng quản lý tài chính hướng nghiệp, khởi nghiệp Đồng/HS/giờ dạy	Giáo dục Stem ngoài giờ chính khóa Đồng/HS/ giờ dạy	Sổ liên lạc điện tử Đồng/HS/ tháng	Chi phí sử dụng điện máy điều hòa lớp học Theo số công tơ thực tế trên lớp	Mức thu theo kế hoạch được phê duyệt
I	**Vùng Thành thị**						
1	Cao Thắng	14.000					QĐ số 210/QĐ-PGD&ĐT ngày 23/10/2021 (Dạy và học kỹ năng sống)
2	Cao Xanh	16.000					QĐ số 212/QĐ-PGD&ĐT ngày 23/10/2021 (Dạy và học kỹ năng sống)
3	Bãi Cháy	15.000					QĐ 214/QĐ-PGD&ĐT ngày 23/10/2021 (Dạy và học kỹ năng sống)
4	Hữu Nghị						
5	Hà Khẩu	15.000			10.000		QĐ số 207/QĐ-PGD&ĐT ngày 10/10/2022 (Sổ liên lạc điện tử); QĐ số 210/QĐ-PGD&ĐT ngày 23/10/2021 (Dạy và học kỹ năng sống)
6	Hà Lầm		13.000				QĐ số 179/QĐ-PGD&ĐT ngày 20/9/2022 (Dạy và học kỹ năng sống)
7	Hạ Long	15.000					QĐ số 208/QĐ-PGD&ĐT ngày 23/10/2021 (Dạy và học kỹ năng sống)
8	Lê Hồng Phong	15.000		20.000			QĐ số 178/QĐ-PGD&ĐT ngày 20/9/2022 (Dạy và học kỹ năng sống; Giáo dục Stem ngoài giờ chính khóa)
9	Lý Thường Kiệt	15.000					QĐ số 207/QĐ-PGD&ĐT ngày 23/10/2021 (Dạy và học kỹ năng sống)
10	Minh Hà	15.000					QĐ số 203/QĐ-PGD&ĐT ngày 23/10/2021 (Dạy và học kỹ năng sống)
11	Trới	15.000					QĐ số 199/QĐ-PGD&ĐT ngày 23/10/2021 (Dạy và học kỹ năng sống)
12	Quang Trung	15.000		20.000	10.000		QĐ số 207/QĐ-PGD&ĐT ngày 10/10/2022 (Sổ liên lạc điện tử); QĐ số 181/QĐ-PGD&ĐT ngày 20/9/2022 (Giáo dục Stem ngoài giờ chính khóa);QĐ số 202/QĐ-PGD&ĐT ngày 23/10/2021 (Dạy và học kỹ năng sống)
13	Trần Hưng Đạo	16.000		20.000			QĐ số 180/QĐ-PGD&ĐT ngày 20/9/2022 (Dạy và học kỹ năng sống; Giáo dục Stem ngoài giờ chính khóa)
14	Trần Quốc Toản	15.000					QĐ số 200/QĐ-PGD&ĐT ngày 23/10/2021 (Dạy và học kỹ năng sống)
15	Võ Thị Sáu	15.000	12.500				QĐ số 205/QĐ-PGD&ĐT ngày 10/10/2022 (Dạy và học kỹ năng sống; Dạy và học kỹ năng quản lý tài chính hướng nghiệp, khởi nghiệp)
16	Đại Yên	14.500					QĐ số 211/QĐ-PGD&ĐT ngày 23/10/2021 (Dạy và học kỹ năng sống)
17	Nguyễn Bá Ngọc	15.000					QĐ số 201/QĐ-PGD&ĐT ngày 23/10/2021 (Dạy và học kỹ năng sống)
18	Việt Hưng	15.000					QĐ số 197/QĐ-PGD&ĐT ngày 23/10/2021 (Dạy và học kỹ năng sống)

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẠ LONG

Phụ lục 05

MỨC THU MỘT SỐ KHOẢN THU DỊCH VỤ, PHỤC VỤ, HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC TRONG CÁC TRƯỜNG THCS NĂM HỌC 2022-2023

(Kèm theo Văn bản số 8202/UBND-GD ngày 21/10/2022 của UBND thành phố Hạ Long)

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Tên trường	Mức thu khoản thu dịch vụ phục vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục (Quy định tại NQ 34/2021)			
		Nước uống 01 buổi/ngày đồng/ HS/ tháng	Học thêm tại trường đồng/HS/giờ dạy	Trông giữ xe đạp đồng/xe/tháng	Trông giữ xe đạp điện đồng/xe/tháng
I	**Vùng thành thị**				
1	Bãi Cháy	10.000	10.000	28.000	50.000
2	Cao Thắng	10.000	10.000	30.000	50.000
3	Cao Xanh	10.000	10.000	30.000	50.000
4	Hà Tu	10.000	10.000	30.000	50.000
5	Hồng Hải	10.000	10.000	30.000	50.000
6	Kim Đồng	10.000	10.000	30.000	50.000
7	Lê Văn Tám	10.000	10.000	30.000	50.000
8	Lý Tự Trọng	10.000	10.000	25.000	
9	Nguyễn Văn Thuộc	10.000	8.333	30.000	50.000
10	Nguyễn Trãi	10.000	10.000	30.000	50.000
11	Trọng Điểm	10.000	10.000	30.000	50.000
12	Trần Quốc Toản	8.000	10.000	30.000	50.000
13	Trới	10.000	10.000	30.000	50.000
14	Đại Yên	10.000	-	30.000	
15	Hà Trung	10.000	8.333	30.000	
16	Việt Hưng	10.000	10.000	30.000	
II	**Vùng nông thôn**				
17	Lê Lợi	10.000	10.000	20.000	
III	**Vùng miền núi**				
18	Sơn Dương	10.000	8.333	10.000	20.000

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẠ LONG

Phụ lục 06

MỨC THU MỘT SỐ KHOẢN THU DỊCH VỤ PHỤC VỤ HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC THEO THỎA THUẬN TRONG CÁC TRƯỜNG THCS NĂM HỌC 2022-2023

(Kèm theo Văn bản số 8202/UBND-GD ngày 21/10/2022 của UBND thành phố Hạ Long)

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Tên trường	Mức thu khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục theo thỏa thuận					
		Dạy và học kỹ năng sống Đồng/ giờ dạy	Tin học tự chọn	Sổ liên lạc điện tử	Chi phí sử dụng điện máy điều hòa lớp học Theo số công tơ thực tế trên lớp	Giáo dục Stem ngoài giờ chính khóa Đồng/HS/ giờ dạy	Mức thu theo kế hoạch được phê duyệt
1	Hà Tu	13.500					QĐ số 224/QĐ-PGD&ĐT ngày 23/10/2021 (Dạy và học kỹ năng sống)
2	Kim Đồng					20.000	QĐ số 182/QĐ-PGD&ĐT ngày 20/9/2022 (Giáo dục Stem ngoài giờ chính khóa)
3	Nguyễn Trãi			6.667			QĐ số 207/QĐ-PGD&ĐT ngày 10/10/2022 (Sổ liên lạc điện tử)
4	Trần Quốc Toản		4.500				

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẠ LONG

Phụ lục 07

MỨC THU MỘT SỐ KHOẢN THU DỊCH VỤ, PHỤC VỤ, HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CÁC TRƯỜNG TH & THCS NĂM HỌC 2022 - 2023

(Kèm theo Văn bản số 8202/UBND-GD ngày 21/10/2022 của UBND thành phố Hạ Long)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên Trường	Mức thu khoản thu dịch vụ phục vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục (Quy định tại NQ 34/2021)										
		Tổ chức bán trú				Dạy tăng cường kĩ năng nghe, nói tiếng Anh có sự tham gia của giáo viên nước ngoài Đồng/giờ dạy	Nước uống 01 buổi/ngày Đồng/ tháng	Nước uống 02 buổi/ngày Đồng/ tháng	Trông giữ Xe đạp Đồng /tháng	Trông giữ Xe đạp điện Đồng /tháng	Học thêm tại trường Đồng/HS/ giờ dạy	Ghi chú
		Thuê người nấu ăn Đồng/HS/ tháng	Quản lý HS trong giờ bán trú Đồng/tháng (22 ngày)	Tiền ăn Đồng/ ngày	Mua sắm bổ sung vật dụng phục vụ bán trú Đồng /năm học (HS toàn trường)							
I	**Vùng Thành thị**											
1	Bãi Cháy 2											
-	Tiểu học		132.000	22.000		30.000		12.000				QĐ số 235/QĐ-PGD&ĐT ngày 24/10/2021 (Dạy tăng cường kĩ năng nghe, nói tiếng Anh có sự tham gia của giáo viên nước ngoài)
-	Trung học cơ sở						7.000				10.000	
2	Hùng Thắng											
-	Tiểu học		132.000	22.000				10.000				
-	THCS						9.000		30.000		10.000	
3	Minh Khai											
-	Tiểu học		132.000	22.000				12.000				
-	THCS						9.000		30.000		8.000	
4	Nguyễn Viết Xuân											
-	Tiểu học		132.000	22.000		30.000		13.000				QĐ số 187/QĐ-PGD&ĐT ngày 20/9/2022 (Dạy tăng cường kĩ năng nghe, nói tiếng Anh có sự tham gia của giáo viên nước ngoài)
-	THCS						10.000		30.000		8.333	
5	Tuần Châu											
-	Tiểu học		132.000	22.000	50.000			15.000				

STT	Tên Trường	Mức thu khoản thu dịch vụ phục vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục (Quy định tại NQ 34/2021)										
		Tổ chức bán trú				Dạy tăng cường kĩ năng nghe, nói tiếng Anh có sự tham gia của giáo viên nước ngoài Đồng/giờ dạy	Nước uống 01 buổi/ngày Đồng/ tháng	Nước uống 02 buổi/ngày Đồng/ tháng	Trông giữ Xe đạp Đồng /tháng	Trông giữ Xe đạp điện Đồng /tháng	Học thêm tại trường Đồng/HS/ giờ dạy	Ghi chú
		Thuê người nấu ăn Đồng/HS/ tháng	Quản lý HS trong giờ bán trú Đồng/tháng (22 ngày)	Tiền ăn Đồng/ ngày	Mua sắm bổ sung vật dụng phục vụ bán trú Đồng /năm học (HS toàn trường)							
-	THCS						10.000		30.000		8.333	
II	**Vùng Miền Núi**											
6	Thống Nhất											
-	Tiểu học		110.000	22.000	50.000			10.000				
-	THCS						9.000		15.000	25.000		
7	Dân chủ											
-	Tiểu học							15.000				
-	THCS						10.000		30.000		8.000	
8	Núi Mằn											
-	Tiểu học		110.000	22.000	50.000			12.000				
-	THCS						10.000		15.000	20.000	8.000	
9	Bằng cả											
-	Tiểu học							10.000				
-	THCS						9.000					
10	Vũ Oai											
-	Tiểu học		110.000	22.000				15.000				
-	THCS						10.000					
11	Kỳ Thượng (Bán trú tuần thu 28.000hs/ngày được nhà nước hỗ trợ)			28.000								
12	Đồng Sơn											

STT	Tên Trường	Mức thu khoản thu dịch vụ phục vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục (Quy định tại NQ 34/2021)										
		Tổ chức bán trú				Dạy tăng cường kĩ năng nghe, nói tiếng Anh có sự tham gia của giáo viên nước ngoài Đồng/giờ dạy	Nước uống 01 buổi/ngày Đồng/ tháng	Nước uống 02 buổi/ngày Đồng/ tháng	Trông giữ Xe đạp Đồng /tháng	Trông giữ Xe đạp điện Đồng /tháng	Học thêm tại trường Đồng/HS/ giờ dạy	Ghi chú
		Thuê người nấu ăn Đồng/HS/ tháng	Quản lý HS trong giờ bán trú Đồng/tháng (22 ngày)	Tiền ăn Đồng/ ngày	Mua sắm bổ sung vật dụng phục vụ bán trú Đồng /năm học (HS toàn trường)							
-	Bán trú ngày thu 12,417/hs/ngày được nhà nước hỗ trợ			12.417								
-	Bán trú tuần thu 27,091hs/ngày được nhà nước hỗ trợ			27.091								
13	Hòa Bình											
-	Tiểu học											
-	THCS											
14	Tân dân											
-	Bán trú tuần thu 18,500hs/ngày được nhà nước hỗ trợ	70.000	110.000	18.500	50.000			10.000				Không thu tiền thuê người nấu ăn, quản lý học sinh trong giờ bán trú và mua sắm bổ sung vật dụng phục vụ bán trú đối với 55 học sinh được hưởng chính sách nhà nước hỗ trợ
15	Đồng Lâm 1											
-	Bán trú tuần thu 30,000hs/ngày được nhà nước hỗ trợ			30.000				12.000				
16	Đồng Lâm 2											
-	Bán trú ngày thu 15,000đ/hs/ngày được nhà nước hỗ trợ			15.000				10.000				
-	Bán trú tuần thu 30,000hs/ngày được nhà nước hỗ trợ			30.000				13.000				

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẠ LONG

Phụ lục 08

MỨC THU MỘT SỐ KHOẢN THU DỊCH VỤ PHỤC VỤ HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC THEO THỎA THUẬN CÁC TRƯỜNG TH&THCS NĂM HỌC 2022-2023

(Kèm theo Văn bản số 8202/UBND-GD ngày 21/10/2022 của UBND thành phố Hạ Long)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên Trường	Mức thu khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục theo thỏa thuận			
		Dạy và học kỹ năng sống Đồng/ giờ dạy	Sổ liên lạc điện tử Đồng/HS/ tháng	Chi phí sử dụng điện máy điều hòa lớp học Theo số công tơ thực tế	Mức thu theo đề án được phê duyệt
1	Trường TH&THCS Bãi Cháy 2				
	Tiểu học	15.000			QĐ số 235/QĐ-PGD&ĐT ngày 24/10/2021 (Dạy và học kỹ năng sống)
	Trung học cơ sở				
2	Trường TH&THCS Minh Khai				
	Tiểu học	16.000			QĐ số 243/QĐ-UBND -PGD&ĐT ngày 24/10/2021 (Dạy và học kỹ năng sống)
	THCS				
3	Trường TH&THCS Nguyễn Viết Xuân				
	Tiểu học		10.000		QĐ số 207/QĐ-PGD&ĐT ngày 10/10/2022 (Sổ liên lạc điện tử)
	THCS				